TAD HUYỆN P **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 22 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ah Phạm Văn X, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

- Chị Vũ Thị T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:

+ Cháu Phạm Văn D, sinh ngày 29/9/2012;

+ Cháu Hạm Hoài A, sinh ngày 03/12/2013;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu D, cháu A: Anh Phạm Văn X và chị Vũ Thị T là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quA hệ hôn nhân*: Anh Phạm Văn X và chị Vũ Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P ngày 19/12/2011 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa Anh X và chị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng Anh, chị bình thường đến tháng 4/2022 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung nên sống với nhau

không được hoà hợp, không có hạnh phúc. Anh X và chị T đã sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn liên quan và không có trách nhiệm với nhau. Nay Anh X và chị T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai Anh chị đều thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho Anh X và chị T theo quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung:* Anh Phạm Văn X và chị Vũ Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Văn D, sinh ngày 29/9/2012 và cháu Hạm Hoài A, sinh ngày 03/12/2013. Ly hôn, chị T và Anh X tự nguyện thoả thuận thống nhất chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoài A, Anh X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu Hoài A và cháu D đủ 18 tuổi. Chị T và Anh X tự nguyện thoả thuận mỗi người nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Sau khi ly hôn, chị T và Anh X được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Vũ Thị T và Anh Phạm Văn X xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án:* Anh Phạm Văn X và chị Vũ Thị T thỏa thuận thống nhất, Anh X tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 14/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quA hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn X và chị Vũ Thị T thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Phạm Văn X và chị Vũ Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Văn D, sinh ngày 29/9/2012 và cháu Hạm Hoài A, sinh ngày 03/12/2013. Ly hôn, chị T và Anh X thoả thuận thống nhất chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoài A, Anh X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu Hoài A và cháu D đủ 18 tuổi. Chị T và Anh X thoả thuận mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị T và Anh Phạm Văn X được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác:* Chị Vũ Thị T và Anh Phạm Văn X xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung,

không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Vũ Thị T và Anh Phạm Văn X thỏa thuận, Anh X tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Anh X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0000654 ngày 05/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên. Anh X đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THADS huyện P;*
- *Các đương sự;*
- *Phòng kiểm tra NVXX và THAHS*
- *TAD tỉnh Hưng Yên;*
- *UBND xã P;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền